

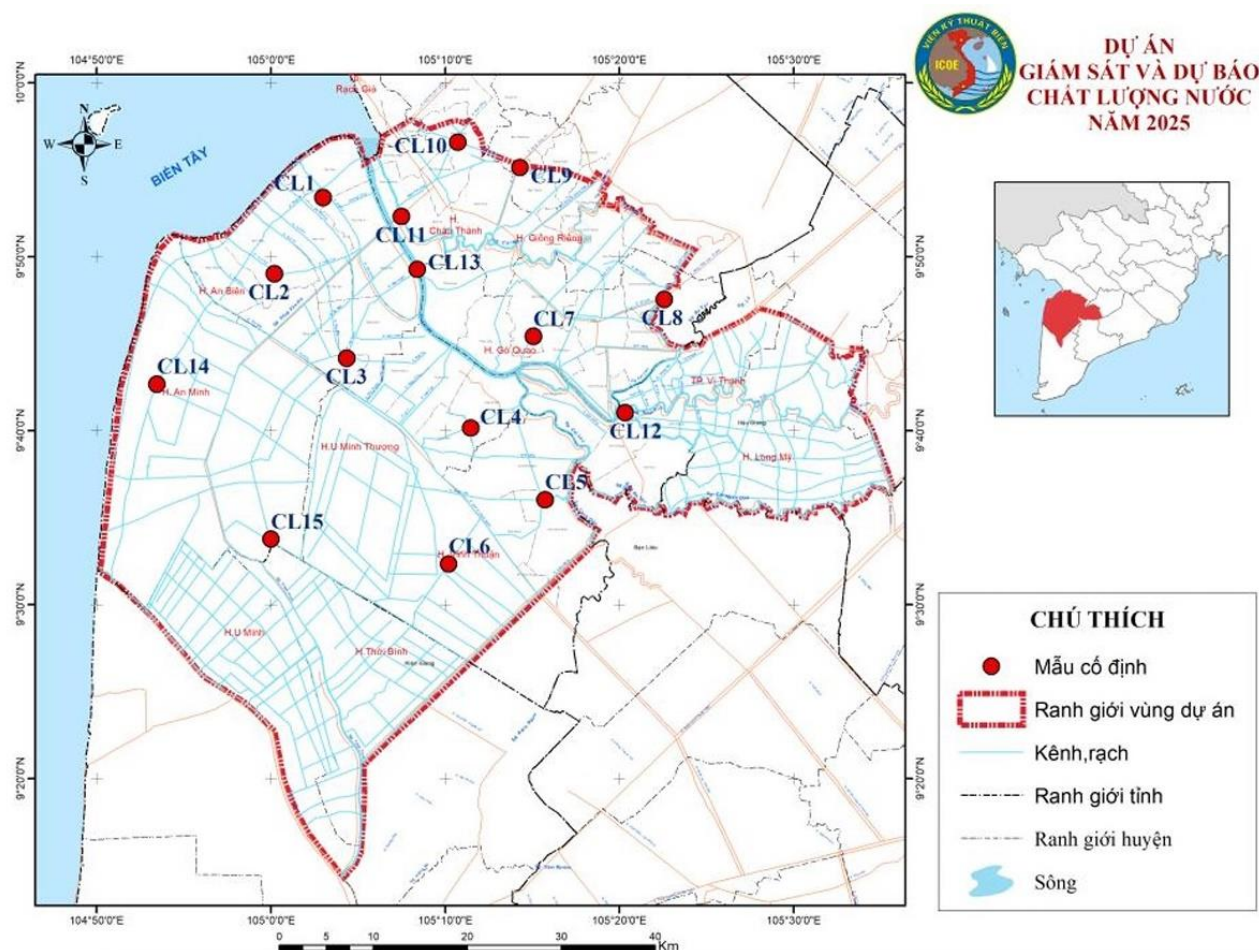
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2025

BẢN TIN TUẦN KỲ 8

“Đợt đo ngày 12/04/2025, dự báo từ ngày 26/04/2025 đến 04/05/2025”

1. Vị trí dự báo chất lượng nước từ ngày 26/04/2025 đến 04/05/2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 15 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong Hình 1.



Hình 1. Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

2. Dự báo chất lượng nước ngày 26/04/2025 đến 04/05/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: Độ mặn, DO, BOD₅, T-N từ ngày 26/04/2025 đến 04/05/2025 được thể hiện qua các Bảng 1 đến Bảng 4 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ ngày 26/04/2025 đến 04/05/2025 cho thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa các vị trí. Các vị trí ven biển như CL2, CL6, CL14, CL15 duy trì độ mặn cao trên 4‰. Các vị trí nội đồng như CL7, CL8, CL9, CL10, CL12 có độ mặn thấp dưới 1‰. Các vị trí CL1, CL3, CL4, CL5, CL11, CL13 có độ mặn dao động ở mức trung bình (1‰ ÷ 4‰ hoặc trên 4‰ tùy vị trí và thời điểm).

Bảng 1. Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 26/04/2025 đến 04/05/2025

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (‰)										
	26/04	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	Min	Max
CL1	14,13	14,14	14,44	14,85	15,27	15,64	15,99	16,44	16,76	14,13	16,76
CL2	24,26	24,05	23,82	24,11	23,70	22,96	22,28	21,63	21,48	21,48	24,26
CL3	10,76	10,22	9,25	9,01	9,08	9,74	10,14	10,22	10,25	9,01	10,76
CL4	4,02	3,47	2,72	2,79	3,85	4,70	5,04	4,94	4,81	2,72	5,04
CL5	4,41	4,52	4,62	4,82	5,11	5,33	5,50	5,57	5,33	4,41	5,57
CL6	18,46	17,83	17,98	18,20	18,10	18,06	18,01	18,01	18,04	17,83	18,46
CL7	0,58	0,51	0,46	0,44	0,41	0,41	0,44	0,48	0,51	0,41	0,58
CL8	0,11	0,03	0,06	0,21	0,12	0,18	0,12	0,18	0,19	0,03	0,21
CL9	0,01	0,05	0,06	0,13	0,18	0,06	0,18	0,18	0,08	0,01	0,18
CL10	0,03	0,20	0,05	0,15	0,15	0,04	0,11	0,13	0,06	0,03	0,20
CL11	6,31	6,38	6,18	5,97	5,48	5,19	5,45	5,98	6,39	5,19	6,39
CL12	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49
CL13	7,83	8,04	8,26	8,47	8,64	8,47	8,59	8,68	8,12	7,83	8,68
CL14	26,38	26,38	26,41	26,41	26,40	26,40	26,41	26,41	26,37	26,37	26,41
CL15	21,90	21,44	21,11	20,83	20,76	20,96	21,36	21,87	22,36	20,76	22,36
Ranh mặn	< 1‰	1‰ ÷ 4‰	> 4‰								

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Hàm lượng DO dự báo trong tuần này nhìn chung ở mức tương đối tốt. Tuy nhiên, một số vị trí có giá trị DO dự báo thấp hơn so với Mức B ($\geq 5,0$ mgO₂/l) của QCVN 08:2023/BTNMT như CL1, CL3, CL7, CL9, CL10, CL11, CL12, CL13. Các vị trí còn lại duy trì DO trên 5,0 mgO₂/l. CL2 có DO khá cao, dao động từ 6,19 mgO₂/l đến 6,37 mgO₂/l. CL6 cũng duy trì DO khá tốt, dao động từ 5,55 mgO₂/l đến 5,77 mgO₂/l.

Bảng 2. Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 26/04/2025 đến 04/05/2025

Kí hiệu	DO dự báo (mgO2/l)										
	26/04	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	Min	Max
CL1	4,88	4,86	4,99	5,11	5,17	5,19	5,20	5,21	5,21	4,86	5,21
CL2	6,25	6,19	6,22	6,28	6,33	6,34	6,35	6,36	6,37	6,19	6,37
CL3	4,74	4,82	4,88	4,89	4,88	4,86	4,83	4,81	4,82	4,74	4,89
CL4	5,64	5,69	5,69	5,67	5,63	5,60	5,57	5,54	5,51	5,51	5,69
CL5	4,43	4,54	4,58	4,58	4,56	4,53	4,52	4,51	4,43	4,43	4,58
CL6	5,65	5,56	5,55	5,61	5,69	5,72	5,71	5,77	5,71	5,55	5,77
CL7	4,42	4,43	4,43	4,42	4,39	4,31	4,18	3,96	3,95	3,95	4,43
CL8	5,41	5,46	5,52	5,60	5,63	5,37	5,30	5,21	5,16	5,16	5,63
CL9	5,17	5,23	5,30	5,20	4,86	4,61	4,58	4,66	4,80	4,58	5,30
CL10	4,74	4,82	4,88	4,89	4,88	4,86	4,83	4,81	4,82	4,74	4,89
CL11	4,38	4,48	4,52	4,53	4,52	4,48	4,41	4,27	4,17	4,17	4,53
CL12	3,42	3,44	3,43	3,38	4,45	4,52	4,54	4,53	4,50	3,38	4,54
CL13	3,94	4,04	4,13	4,28	4,28	4,11	3,79	3,97	4,14	3,79	4,28
CL14	5,30	5,23	5,21	5,31	5,57	5,42	5,20	5,07	5,04	5,04	5,57
CL15	5,55	5,53	5,49	5,47	5,51	5,61	5,66	5,69	5,69	5,47	5,69
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: $\geq 6,0$			Đạt Mức B: $\geq 5,0$				Không đạt Mức B: $< 5,0$			
Khuyến cáo	Từ ngày 26/04/2025 đến 04/05/2025, dự báo DO cho thấy nhìn chung ở mức tương đối tốt, nhưng cần lưu ý tại một số vị trí có nguy cơ xuống thấp dưới ngưỡng cho phép, đặc biệt là các vị trí CL1, CL3, CL7, CL8, CL9, CL10, CL11, CL12, và CL13.										

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo tại Hệ thống CTTL CL-CB từ ngày 26/04/2025 đến 04/05/2025 dao động từ 7,99 mgO₂/l đến 15,90 mgO₂/l, vượt ngưỡng B (≤ 6 mgO₂/l) theo QCVN 08:2023/BTNMT tại tất cả 15 vị trí quan trắc. Điều này cho thấy tình trạng ô nhiễm hữu cơ vẫn tiếp diễn trong HTTL CLCB. Một số vị trí có BOD₅ đặc biệt cao như CL1, CL4, CL5, CL6, CL9, CL10, CL11, CL13 và CL14.

Bảng 3. Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 26/04/2025 đến 04/05/2025

Kí hiệu	BOD5 (mgO2/l)										
	26/04	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	Min	Max
CL1	12,87	13,04	13,27	13,50	13,72	14,05	14,51	15,15	15,90	12,87	15,90
CL2	7,99	8,08	8,07	8,04	8,04	8,07	8,10	8,12	8,14	7,99	8,14
CL3	9,73	9,66	9,68	9,74	9,83	9,95	10,12	10,33	10,40	9,66	10,40
CL4	14,47	14,88	14,63	14,02	13,55	13,34	13,32	13,39	13,49	13,32	14,88
CL5	13,53	13,17	12,88	12,77	12,72	12,79	12,99	13,30	13,57	12,72	13,57
CL6	8,97	9,55	10,34	10,97	11,04	10,57	10,03	9,55	9,05	8,97	11,04
CL7	8,04	8,05	8,06	8,07	8,12	8,21	8,26	8,26	8,26	8,04	8,26
CL8	10,51	10,42	10,34	10,27	10,21	10,18	10,18	10,23	10,33	10,18	10,51
CL9	12,81	12,83	13,07	13,52	13,96	13,21	13,06	13,04	13,15	12,81	13,96
CL10	13,25	13,18	13,11	13,24	13,65	14,32	15,30	16,34	16,54	13,11	16,54
CL11	15,78	15,82	15,37	14,77	14,30	14,02	13,88	13,84	13,77	13,77	15,82
CL12	7,85	7,86	7,89	7,93	8,02	8,03	8,00	7,95	7,90	7,85	8,03
CL13	13,09	13,06	13,09	13,05	13,06	13,04	13,04	13,08	13,16	13,04	13,16
CL14	13,84	13,82	13,97	14,21	14,30	14,21	14,22	14,50	14,85	13,82	14,85
CL15	12,15	12,15	12,12	12,09	12,11	12,14	12,21	12,34	12,43	12,09	12,43
QCVN08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≤ 4			Đạt Mức B: ≤ 6				Không đạt Mức B: > 6			
Khuyến cáo	Hàm lượng Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD5) dự báo từ ngày 26/04/2025 đến 04/05/2025 cho thấy tình trạng ô nhiễm hữu cơ vẫn xảy ra trong hệ thống, với giá trị BOD5 vượt ngưỡng quy định tại tất cả các điểm quan trắc.										

2.4. Nitrơ Tổng (T-N)

Kết quả tính toán dự báo từ ngày 26/04/2025 đến 04/05/2025 cho thấy nồng độ Tổng Nitrơ dự báo vượt ngưỡng B ($\leq 1,5$ mg/l) theo QCVN 08:2023/BTNMT ở hầu hết các vị trí. Giá trị T-N dao động từ 0,55 mg/l đến 5,12 mg/l. Chỉ có một số vị trí có giá trị T-N gần hoặc nằm trong ngưỡng B, như CL8, CL12, và CL13. Các vị trí khác có giá trị T-N cao, đặc biệt là CL1, CL2, CL3, CL4, CL5, CL6, CL7, CL9, CL10, CL11, CL14, và CL15.

Bảng 4. Giá trị dự báo T-N tại các điểm giám sát từ 26/04/2025 đến 04/05/2025

Kí hiệu	T-N (mg/l)										
	26/04	27/04	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	Min	Max
CL1	3,23	3,20	3,17	3,12	3,05	2,97	2,91	2,87	2,85	2,85	3,23
CL2	1,59	1,60	1,62	1,63	1,64	1,65	1,65	1,66	1,69	1,59	1,69
CL3	2,79	2,86	2,94	3,01	3,17	3,18	3,23	3,29	3,34	2,79	3,34
CL4	3,72	3,89	3,96	3,84	3,64	3,44	3,30	3,21	3,15	3,15	3,96
CL5	4,41	4,34	4,28	4,01	3,57	3,47	3,76	3,98	4,34	3,47	4,41
CL6	3,31	3,45	3,30	3,22	2,58	2,95	3,50	3,96	3,65	2,58	3,96
CL7	2,34	2,38	2,37	2,35	2,32	2,25	2,17	2,08	1,99	1,99	2,38
CL8	1,10	1,04	1,06	1,17	1,31	1,50	1,73	2,12	2,38	1,04	2,38
CL9	3,93	3,07	2,87	3,14	3,26	3,67	4,83	4,96	4,34	2,87	4,96
CL10	3,37	3,41	3,44	3,47	3,48	3,52	3,57	3,60	3,67	3,37	3,67
CL11	3,97	3,99	4,04	4,11	4,19	4,29	4,37	4,90	5,12	3,97	5,12
CL12	0,75	0,74	0,71	0,68	0,66	0,63	0,60	0,58	0,55	0,55	0,75
CL13	1,55	1,55	1,50	1,40	1,32	1,30	1,32	1,37	1,34	1,30	1,55
CL14	2,07	2,04	2,05	2,12	2,16	2,17	2,17	2,16	2,15	2,04	2,17
CL15	1,81	1,81	1,81	1,80	1,83	1,90	1,96	1,96	1,93	1,80	1,96
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≤ 0,6			Đạt Mức B: ≤ 1,5				Không đạt Mức B: > 1,5			
Khuyến cáo	Kết quả dự báo cho thấy nồng độ Tổng Nito (T-N) từ ngày 26/04/2025 đến 04/05/2025 vẫn ở mức cao và vượt ngưỡng cho phép tại hầu hết các vị trí, cho thấy nguy cơ ô nhiễm dinh dưỡng.										

Khuyến nghị chung:

- Người dân cần theo dõi chặt chẽ thông tin dự báo chất lượng nước, đặc biệt là độ mặn ở các khu vực có sự thay đổi để có biện pháp lấy nước phù hợp cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
- Tiếp tục theo dõi nồng độ DO, đặc biệt tại các vị trí đã từng có DO thấp, và có biện pháp bổ sung oxy khi cần thiết cho các ao nuôi thủy sản.
- Tình trạng ô nhiễm hữu cơ (BOD5 cao) và ô nhiễm dinh dưỡng (T-N cao) là vấn đề cần được theo dõi thường xuyên. Cần có các biện pháp quản lý và xử lý nguồn thải để cải thiện chất lượng nước. Người dân cần lưu ý xử lý nước trước khi sử dụng cho nuôi trồng thủy sản để tránh các tác động xấu đến tôm, cá do BOD5 và T-N cao.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB

 **VIỆN TRƯỞNG**
Phạm Văn Tùng